

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày: 03/10/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-HS ngày 16/9/2019 đối với bị cáo:

Bùi Hữu H (T), sinh ngày 05/6/1982, nơi sinh: TC - AG; nơi cư trú (ĐKHKTT): ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG; Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Đạo Cao Đài; con ông Bùi Hữu Ng, sinh năm 1946 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1951; Vợ Đỗ Thị Bích D, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2009 (Vợ đã sinh con thứ 2 vào tháng 9/2019).

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 29/8/2016 đến ngày 02/8/2017, bị bắt buộc chữa bệnh;

Ngày 19/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bùi Hữu H; Bị cáo tại ngoại cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Chị Đỗ Thị Bích D (vợ H), sinh năm 1984; vắng mặt. Ông Bùi Hữu Ng (cha ruột H), sinh năm 1946; địa chỉ: ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn M; Luật sư – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh AG; Địa chỉ: Số 27 đường TP, khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG, có mặt.

Ng đơn dân sự: Trường tiểu học “B Tân A”, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của Ng đơn dân sự: Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1964; Hiệu trưởng trường tiểu học “B TA”, thị xã TC, tỉnh AG, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Ông Nguyễn Tường L (1), sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp TP, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG;

2- Anh Trịnh Quang Ng (2), sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

3- Chị Đỗ Thị Bích D, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

4- Chị Lý Thị Bích Th (3), sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

5- Chị Trương Thị Ngọc Tr (4), sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

6- Ông Phạm Minh H, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

7- Nguyễn Thanh L (5), sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp PH, xã PH, huyện AP, tỉnh AG;

8- Bà Hà Thị Th, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

9- Chị Phan Huỳnh Tuyết Nh, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG;

10- Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

11- Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

12- Ông Lê Thanh Nh, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp TH B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

13- Chị Dương Thị Cẩm Th (6), sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

14- Anh Võ Văn B (7), sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp TP B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

15- Anh Võ Minh Tr, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp TH B, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

TC, tỉnh AG;

16- Ông Châu Văn D (8), sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

17- Bà Phạm Thị Ph (9), sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp LT, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

18- Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

19- Chị Chung Thị Th (10), sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp TH A1, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

20- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

21- Ông Võ Văn L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

22- Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tô 7, ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

23- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp TH A1, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

24- Anh Nguyễn Duy Ph (11), sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp TH A1, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

25- Anh Huỳnh Quốc A, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp TH A1, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

26- Anh Nguyễn Văn H (12), sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp TH A2, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG;

27- Ông Bùi Hữu Ng (H) (13), sinh năm 1946; Địa chỉ: Ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG;

28- Ông Đinh Văn Đ (14), sinh năm 1944; Địa chỉ: Khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG;

Ông L (1), anh Ng (2), chị Th (3), chị Tr (4), anh L (5), chị Th (6), ông B (7), ông D (8), chị Ph (9), chị Th (10), anh Ph (11), anh H (12), ông Ng (13), ông Đ (14) đều có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn D;

- Chị Bùi Thị Bảo Tr;

- Ông Trần Văn N.

Chị Tr và ông N có mặt tại phiên tòa, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/7/2015, Bùi Hữu H được phân công giữ chức vụ công tác Văn Thư kiêm công tác Thủ quỹ và Y tế học đường trong năm học 2015 – 2016 của Trường Tiểu học “B Tân A” thuộc xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Với nhiệm vụ Thủ quỹ, hàng tháng bị cáo có trách nhiệm nhận tiền lương và cấp phát lại cho tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, H đã thực hiện hành vi như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/4/2016, Bùi Hữu H nhận được thông báo của Kho Bạc Nhà nước thị xã TC, đến nhận tiền lương tháng 4/2016 cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường. Khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, H điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67F6 - 6898 của ông Bùi Hữu Ng (cha ruột của H) đến Kho Bạc Nhà nước thị xã TC để làm thủ tục nhận tiền lương. Sau khi làm thủ tục nhận tiền lương tại Kho Bạc, H đi đến Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Phòng giao dịch TC, để nhận tiền lương. Trong lúc, đợi nhận tiền lương tại Ngân hàng, H nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền lương của tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, H nhận được tổng số tiền lương là 107.042.000 đồng, H để hết số tiền trên vào cặp bằng vải của H và tiền riêng của H là 1.240.000 đồng, tổng cộng số tiền trong cặp là 108.282.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe mô tô về nhà thuộc ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. H cất giấu cặp vải trong chuồng gà dưới sàn nhà của H. Sau đó, H điều khiển xe mô tô đến khu vực khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG. Tại đây, H giả vờ truy hô bị cướp giật cặp vải trong đó có số tiền 108.282.000 đồng, và H được mọi người xung quanh hướng dẫn đến Công an thị xã TC trình báo sự việc trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, tỉnh AG, đã tiến hành xác minh, điều tra và mời Bùi Hữu H để ghi lời khai. Tại đây, H thừa nhận đã giả vờ bị cướp giật cặp vải, có số tiền 108.282.000 đồng như nội dung vụ án đã nêu.

*** Vật chứng thu giữ trong vụ án:**

+ 01 xe mô tô, biển kiểm soát 67F6-6898, nhãn hiệu Wave, màu đỏ, số máy 99001303, số khung 99120476 (kèm theo giấy đăng ký xe tên Đinh Văn Đ)

+ 01 giấy rút dự toán ngân sách số tiền 106.812.258 đồng.

+ 01 giấy rút dự toán ngân sách số tiền 230.000 đồng.

+ Tiền Việt Nam tổng cộng: 108.282.000 đồng.

+ 01 cái cặp bằng vải, hình chữ nhật, màu đen, trên cặp có chữ “KIM LONG For a better life” (đã qua sử dụng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, phát hiện Bùi Hữu H có biểu hiện liên quan đến bệnh lý tâm thần nên đã ra Quyết

định trung cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ để giám định tình trạng tâm thần của Bùi Hữu H.

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 87/2016/KLGĐTC ngày 22/7/2016 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ:

+ Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại Bùi Hữu H có biểu hiện liên quan đến bệnh lý tâm thần: Rối loạn hỗn hợp lo âu trầm cảm.

+ Về năng lực: Bùi Hữu H phạm tội trong tình trạng có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị hạn chế do bệnh lý tâm thần.

Công văn số 87.0/PYTT ngày 12/8/2016 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ:

- Đương sự thực hiện hành vi phạm tội trong tình trạng có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng bệnh lý tâm thần (*rối loạn lo âu trầm cảm*) đã chi phối làm cho khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của đương sự phiến diện, không đầy đủ và toàn diện như người bình thường.

- Đương sự vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ khi đưa ra xét xử vì đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

- Hiện bệnh lý tâm thần của đương sự đang còn ở giai đoạn tiến triển nên cần áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc.

Ngày 24/8/2016, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, ra Quyết định số 01/QĐ-KSĐT áp dụng biện pháp đưa đi chữa bệnh bắt buộc đối với Bùi Hữu H tại Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

Kết luận số 306/KLBB-VPYTW ngày 12/7/2017 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa: Bùi Hữu H bị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu trầm cảm. Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển để làm việc với cơ quan pháp luật.

Ngày 02/8/2017, Bùi Hữu H xuất viện trở về địa phương. Ngày 19/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Bùi Hữu H về tội “Tham ô tài sản”.

Cáo trạng số 33/CT-VKSTC ngày 17 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC đã truy tố bị cáo Bùi Hữu H về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, Bùi Hữu H khai nhận như nội dung vụ án đã nêu, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo H đã được nhận lại số tiền 1.240.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, tập thể giáo viên, nhân viên trường Tiểu học “B Tân A” ông Nguyễn Tường L (Ng Hiệu trưởng), anh Trịnh Quang Ng (Phó hiệu trưởng), chị Đỗ Thị Bích D (vợ của Bùi Hữu H), chị Lý Thị Bích Th, chị Trương Thị Ngọc Tr, ông Phạm Hùng M, anh Nguyễn Thanh L, bà Hà Thị Th, chị Phan Huỳnh Tuyết Nh, chị Nguyễn Thị Thúy H, bà Nguyễn Thị Kh, ông Lê Thanh Nh, chị Dương Thị Cẩm Th, anh Võ Văn B, anh Võ Minh Tr, ông Châu Văn D, bà Phạm Thị Ph, ông Trần Văn Kh, chị Chung Thị Th, chị Nguyễn Thị Thanh T, ông Võ Văn L, chị Võ Thị Bích T, ông Nguyễn Văn Ch, anh Nguyễn Duy Ph, anh Huỳnh Quốc A, anh Nguyễn Văn H đồng trình bày, trước đây Bùi Hữu H là Thủ quỹ của trường, hàng tháng có nhiệm vụ nhận tiền lương và cấp phát lại cho tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Trước khi xảy ra sự việc, H báo tin giả vờ bị cướp số tiền lương hơn 107.000.000 đồng của tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường, H hoàn thành tốt nhiệm vụ nhà trường giao. Ngày 06/4/2016, H giả vờ bị cướp giật hết số tiền lương của tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường sau đó lực lượng Công an đã làm rõ sự việc và thu hồi số tiền lương nêu trên, tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường đã nhận được số tiền lương tháng 4/2016 và không có yêu cầu khác.

Riêng, chị Lý Thị Bích Th - Kế toán Trường Tiểu học B TA, đã nhận lại 02 giấy rút dự toán ngân sách của Trường. Chị Trương Thị Ngọc Tr – hiện là Thủ quỹ của Trường Tiểu học “B Tân A”, đã nhận lại số tiền lương 107.042.000 đồng của tập thể giáo viên. Ông Nguyễn Tường L (Ng Hiệu trưởng trường) không yêu cầu xử lý H theo quy định pháp luật.

Ông Trần Văn Đ khai, trước đây ông Đ là chủ sở hữu chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 67F6-6898 nhãn hiệu Wave, màu đỏ. Sau đó, ông Đ đã bán lại chiếc xe mô tô nêu trên cho ông H (Bùi Hữu Ng, cậu ông Đ) nhưng chưa làm thủ tục sang tên, ông Đ không có ý kiến về chiếc xe nêu trên vì đã bán xe cho ông Ng.

Ông Bùi Hữu Ng khai, chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 67F6-6898 nhãn hiệu Wave, màu đỏ là của ông Ng mua của anh Đinh Văn Đ (cháu ông Ng), việc Bùi Hữu H sử dụng vào việc phạm tội ông Ng hoàn toàn không biết. Hiện, ông Ng đã nhận lại xe và không yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn D khai, trước đây, anh D công tác tại trường tiểu học B TA, anh D có vay tiền của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Đến tháng 7/2013, anh D luân chuyển công tác đến Trường Mẫu giáo LA. Ngày 03/4/2016, anh D có gửi tiền cho anh H số tiền 930.000 đồng để trả lại cho Trường Tiểu học “B Tân A” vì tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam hàng tháng trừ vào số tiền lương của cán bộ công chức Trường Tiểu học “B Tân A”. Hiện nay, anh D đã thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Ngày 06/4/2016, anh H giả tin bị cướp giật số tiền lương, anh D không biết. Hai ngày sau, anh D nghe nói lại nên biết sự việc.

Chị Bùi Thị Thảo Tr khai, chị Tr là em ruột của Bùi Hữu H, H là Văn Thư kiêm Thủ quỹ trường Tiểu học B TA từ năm 2006 đến nay. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06/4/2016, chị Tr đang ngồi ngoài quán phía trước nhà thuộc khu

vực áp LH, xã LA, thị xã TC, chị Tr nhìn vào trong nhà thấy H đứng dưới sân phía trước nhà (vị trí sân nhà có chuồng gà). Khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, Công an thị xã TC đến nhà thì chị Tr được biết anh H lấy tiền lương của nhà trường cất giấu chuồng gà dưới sân nhà H.

Ông Trần Văn N khai, ông N là người cùng xóm với H, nhà của ông N cách nhà H khoảng 20 mét ngang qua con đường. Ông N được biết hoàn cảnh kinh tế nhà của H cũng ổn định. H và Đỗ Thị Bích D (vợ H) cùng công tác tại trường tiểu học. Ngoài ra, H còn có 02 (hai) xe kéo âm thanh cho thuê.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, có hành vi giả vờ truy hô bị cướp giật cặp vải trong đó có tổng số tiền 108.282.000 đồng (tiền lương của giáo viên 107.042.000 đồng, tiền của H 1.240.000 đồng) như lời khai đã thể hiện tại giai đoạn điều tra và đúng như nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

Ông Nguyễn Hồng S đại diện theo pháp luật của trường Tiểu học “B Tân A” cho biết, ông S hiện là Hiệu trưởng trường Tiểu học “B Tân A”, trước đây, Bùi Hữu H có giả vờ bị cướp giật để chiếm đoạt số tiền lương 107.042.000 đồng của tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Sau đó, được Công an làm rõ sự việc và tập thể giáo viên nhà trường đã nhận lại tiền lương. Hiện tại, H là công tác Văn Thư tại trường, yêu cầu không xử lý hình sự đối với H.

Các người liên quan có mặt tại phiên tòa, đã nhận lại số tiền lương tháng 04/2016. Không yêu cầu bị cáo bồi thường khác; Có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chủ tọa công bố lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các người làm chứng vắng mặt. Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến.

Phát biểu quan điểm luận tội, Kiểm sát viên giữ quan điểm truy tố bị cáo Bùi Hữu H về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử,

Áp dụng điểm d khoản 2, 5 Điều 353; điểm q, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38; Điều 49 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Bùi Hữu H từ 02 (Hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; về tội “*Tham ô tài sản*”; nhưng được khấu trừ vào thời gian bắt buộc chữa bệnh.

Về hình phạt bổ sung, cấm bị cáo đảm nhiệm công việc Thủ quỹ trong thời hạn 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 cái cặp bằng vải, hình chữ nhật, màu đen, trên cặp có chữ “KIM LONG For a better life” (đã qua sử dụng), thuộc quyền sở hữu của bị cáo và bị cáo dùng vào việc phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, tịch thu tiêu hủy.

+ Xe mô tô, biển kiểm soát 67F6-6898, nhãn hiệu Wave, màu đỏ, số máy 99001303, số khung 99120476 (kèm theo giấy đăng ký xe tên Đinh Văn Đ), ông Ng đã nhận lại trong quá trình điều tra và không có yêu cầu khác nên không đề cập.

+ 01 giấy rút dự toán ngân sách số tiền 106.812.258 đồng và 01 giấy rút dự toán ngân sách số tiền 230.000 đồng đại diện nhà trường đã nhận lại nên không đề cập đến.

+ Số tiền Việt Nam 108.282.000 đồng, trong đó 107.042.000 đồng là số tiền lương của tập thể giáo viên, nhân viên trường Tiểu học “B Tân A” (chị Tr đại diện nhà trường đã nhận lại), còn lại số tiền 1.240.000 đồng của bị cáo và không liên quan đến việc phạm tội nên đã giao trả cho bị cáo trong gia đoạn điều tra nên không đề cập đến.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện trường Tiểu học “B Tân A”; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại số tiền lương tháng 4/2016 và không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập đến.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Bùi Hữu H, thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo H về tội “Tham ô tài sản”. Thống nhất mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị, không có ý kiến.

Về các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; hoàn cảnh gia đình cha mẹ bị bệnh, vợ mới sinh con thứ 2, bị cáo là lao động chính. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp, bị cáo H phạm tội thuộc điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ Luật hình sự, mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như quan điểm người bào chữa vì bị cáo H đã tham ô tài sản đem về nhà.

Trong phần tranh luận, bị cáo (người đại diện hợp pháp của bị cáo), không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Bùi Hữu H bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã TC khởi tố về hành vi “*Tham ô tài sản*” xảy ra tại khu vực xã LA, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và năm 2015.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị D (và đại diện hợp pháp của H), anh M, chị Th, chị Nh, chị H, chị Kh, ông Nh, anh B, anh Tr, anh Kh, chị T, anh L, chị T, anh Ch, anh Quốc A và người làm chứng ông D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo khai nhận, trong năm học 2015-2016, bị cáo được Hiệu trưởng trường phân công công tác Văn Thư kiêm công tác Thủ quỹ và Y tế học đường của Trường Tiểu học “B Tân A” thuộc xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Với nhiệm vụ Thủ quỹ, hàng tháng bị cáo có trách nhiệm nhận tiền lương và cấp phát lại cho tập thể giáo viên, nhân viên của trường. Vào khoảng 10 giờ 00 ngày 06/4/2016, bị cáo nhận được thông báo của Kho Bạc Nhà nước thị xã TC, đến nhận tiền lương tháng 4/2016 của tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67F6 - 6898 của ông Bùi Hữu Ng (cha ruột của H) đến Kho Bạc Nhà nước thị xã TC để làm thủ tục nhận tiền lương. Sau khi làm thủ tục nhận tiền lương tại Kho Bạc, bị cáo đến Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Phòng giao dịch TC, để nhận tiền lương. Trong lúc chờ nhận tiền lương tại Ngân hàng, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền lương của tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo nhận được tổng số tiền lương là 107.042.000 đồng, bị cáo để hết số tiền trên vào cặp bằng vải cùng số tiền riêng của bị cáo là 1.240.000 đồng, tổng cộng số tiền trong cặp của bị cáo là 108.282.000 đồng. Sau khi nhận tiền lương xong, bị cáo điều khiển xe mô tô về

nhà thuộc khu vực ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG, cất giấu cặp vải trong chuồng gà dưới sàn nhà của bị cáo. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô đến khu vực khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG. Tại đây, bị cáo truy hô bị cướp giật cặp vải trong đó có số tiền 108.282.000 đồng và được mọi người xung quanh hướng dẫn bị cáo đến Công an thị xã TC trình báo sự việc trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, tỉnh AG, đã tiến hành xác minh, điều tra và mời bị cáo để ghi lời khai. Tại đây, bị cáo thừa nhận không bị cướp giật số tiền 108.282.000 đồng như nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người đại diện hợp pháp của Ng đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp biên bản tiếp nhận tin báo về tội phạm ngày 06/4/2016 của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội – Công an thị xã TC; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường tại khu vực khóm LT C, phường LH và ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG ngày 06/4/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là thủ quỹ trường Tiểu học “B Tân A”, hàng tháng bị cáo có nhiệm vụ nhận tiền lương và cấp phát lại cho tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Vào chiều ngày 06/4/2016, bị cáo có nhiệm vụ nhận số tiền lương 107.042.000 (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn) đồng của tập thể giáo viên, nhân viên trường Tiểu học “B Tân A” tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Phòng giao dịch TC (theo 01 (một) giấy rút dự toán ngân sách số tiền 106.812.258 đồng và 01 (một) giấy rút dự toán ngân sách số tiền 230.000 đồng (đã được Kho Bạc Nhà nước thị xã TC làm xong thủ tục)). Sau khi nhận xong tiền lương, bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt số tiền lương nêu trên bằng cách để số tiền lương vào cặp vải và cất giấu vào chuồng gà dưới sàn nhà của bị cáo. Cho nên, hành vi của bị cáo đã đáp ứng mặt khách quan của tội tham ô tài sản.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản do mình quản lý là xâm phạm quyền sở hữu của Nhà nước, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua thủ đoạn, cách thức thực hiện hành vi.

Tài sản của Nhà nước giao cho từng cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức. Người có chức vụ, quyền hạn và có trách nhiệm đối với tài sản mà có hành vi chiếm đoạt đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Hành vi chiếm đoạt số tiền 107.042.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, cụ thể tội “Tham ô tài sản” quy định

tại Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt bằng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo bị xử lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo được tuyển dụng, được phân công nhiệm vụ Thủ quỹ của trường tiểu học “B Tân A”. Đáng lẽ, bị cáo phải hoàn thành tốt và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của người nhân viên trong công tác để hưởng lương theo thu nhập hợp pháp, nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình; góp phần vào thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Nhưng vì lợi ích cá nhân, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của tập thể nhà trường mà bị cáo có trách nhiệm quản lý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu, hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước nói chung, trường Tiểu học “B Tân A” nói riêng mà còn ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan Nhà nước, giảm lòng tin của phụ huynh học sinh đối với nhà trường. Xét, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có bệnh hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Bị cáo có nhiều giấy khen, bằng khen trong quá trình công tác. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và đại diện nhà trường cùng tập thể giáo viên, nhân viên có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, bị cáo có con nhỏ, vợ mới sinh, cha mẹ bị bệnh là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quan điểm luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội chưa gây thiệt hại là không có căn cứ. Chấp nhận quan điểm viện kiểm sát không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Hình phạt:

- Về hình phạt chính:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Cần có mức hình phạt, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và hành vi phạm tội của bị cáo do có sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần. Xét, quan điểm Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo H đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình là hoàn toàn có căn cứ. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo phạm tội thuộc điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ Luật hình sự, mức hình phạt tù từ 07 năm

đến 15 năm. Đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét không chấp nhận quan điểm người bào chữa.

Đồng thời, theo quy định khoản 3 Điều 49 Bộ luật hình sự “Thời hạn bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù”, như quan điểm đại diện viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ việc bị cáo được tuyển dụng, được phân công nhiệm vụ Thủ quỹ. Vì vậy, để tránh nguy hại cho xã hội, cấm bị cáo đảm nhiệm công việc thủ quỹ trong hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn không áp dụng hình phạt tiền, tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 67F6-6898, nhãn hiệu Wave, màu đỏ, số máy 99001303, số khung 99120476 (kèm theo giấy đăng ký xe tên Đinh Văn Đ), ông Đ và ông Ng khai thống nhất, ông Đ đã bán lại chiếc xe nêu trên cho ông Ng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, việc bị cáo sử dụng xe mô tô nêu trên vào việc phạm tội ông Ng không biết, ông Ng đã nhận lại trong quá trình điều tra và không có yêu cầu khác;

01 (một) giấy rút dự toán ngân sách số tiền 106.812.258 đồng và 01 (một) giấy rút dự toán ngân sách số tiền 230.000 đồng, quá trình điều tra chị Lý Thị Bích Th - Kế toán Trường Tiểu học B TA, đã nhận lại 02 giấy rút dự toán ngân sách của Trường;

Tiền Việt Nam tổng cộng: 108.282.000 đồng, trong đó 107.042.000 đồng là số tiền lương của tập thể giáo viên, nhân viên trường Tiểu học “B Tân A” (chị Tr đại diện nhà trường đã nhận lại), còn lại số tiền 1.240.000 đồng của bị cáo và không liên quan đến việc phạm tội nên đã giao trả cho bị cáo trong giai đoạn điều tra;

Nên hội đồng xét xử, không đề cập giải quyết như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với, 01 (một) cái cặp bằng vải, hình chữ nhật, màu đen, trên cặp có chữ “KIM LONG For a better life” (đã qua sử dụng), tài sản của bị cáo và bị cáo dùng vào việc phạm tội. Xét, tịch thu tiêu hủy như đề nghị của Viện kiểm sát.

(Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã TC với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC ngày 22/7/2019).

Theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện trường Tiểu học “B Tân A” và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại số tiền lương tháng 4/2016 và không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Bùi Hữu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm q, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều khoản 3 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu H phạm tội "*Tham ô tài sản*";

Xử phạt: Bùi Hữu H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bắt buộc chữa bệnh là 11 (mười một) tháng 04 (bốn) ngày (từ ngày 29/8/2016 đến ngày 02/8/2017);

Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Cấm bị cáo Bùi Hữu H đảm nhiệm công việc Thủ quỹ trong hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) cái cặp bằng vải, hình chữ nhật, màu đen, trên cặp có chữ "KIM LONG For a better life" (đã qua sử dụng)

(Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã TC với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC ngày 22/7/2019).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Bùi Hữu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo (người đại diện hợp pháp), người bào chữa cho bị cáo và đại diện Ng đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết